



TRỘN VẸN TRÁI NGHIỆM ĐẦU TƯ

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023



MỤC LỤC

I. DỰ BÁO VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2023	3
II. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CỦA CÔNG TY.....	7
III. KẾ HOẠCH KINH DOANH TOÀN CÔNG TY NĂM 2023.....	10
1. Tóm tắt một vài chỉ tiêu tài chính	10
2. Kế hoạch kinh doanh toàn công ty năm 2023.....	10

PHẦN I. DỰ BÁO VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2023

1. DỰ BÁO NỀN KINH TẾ NĂM 2023

1.1. Dự báo kinh tế thế giới

- Nền kinh tế toàn cầu hoàn toàn bị mất đà tăng trưởng trong năm 2022. Sau khi phục hồi mạnh mẽ từ đại dịch, tăng trưởng của kinh tế thế giới bị ảnh hưởng sâu sắc bởi cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine, sự bùng phát trở lại của Covid-19 và áp lực tăng giá năng lượng, thực phẩm. GDP toàn cầu quý 02/2022 ở trạng thái trì trệ, giá trị sản xuất của các nền kinh tế G20 đều suy giảm đặc biệt là nước Anh. Sang quý 03/2022, tăng trưởng GDP ở nhiều nền kinh tế bao gồm Mỹ, khu vực đồng Euro, Trung Quốc và các quốc gia đang phát triển có sự cải thiện đáng kể nhờ động lực trong nước bao gồm nhu cầu tiêu dùng và đầu tư phục hồi mạnh. Tuy nhiên, 3 tháng cuối năm đà tăng giảm dần ở hầu hết các nền kinh tế lớn trừ Mỹ do lạm phát tiếp tục leo cao. Các NHTW phải duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất tăng cao gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, dịch vụ và kìm hãm sự phát triển của thị trường tài chính. Tăng trưởng toàn cầu đạt khoảng 3,2% trong năm 2022, giảm mạnh so với mức tăng 5,4% trong năm 2021, theo ước tính của IMF.
- Với những khó khăn trên, các tổ chức kinh tế lớn như Ngân hàng Thế giới (WB) hay Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đều nhất quán với nhận định kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng thấp và kéo dài xu hướng đến hết năm 2023, cản trở mục tiêu “hạ cánh mềm” của các quốc gia. Theo Báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới (WEO) cập nhật trong tháng 01/2023, IMF dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ chậm lại, từ 3,4% năm 2022 giảm xuống 2,9% vào năm 2023, trước khi tăng lên 3,1% vào năm 2024, dựa trên nhu cầu phục hồi ở Mỹ và châu Âu, chi phí năng lượng giảm tại EU và Trung Quốc mở cửa trở lại. Lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ giảm từ 8,8% năm 2022 xuống 6,6% năm 2023 và 4,3% năm 2024. Về phía WB, tăng trưởng kinh tế toàn cầu ước tính sẽ chạm mốc 1,7% vào năm 2023 và bật tăng lên 2,7% vào năm 2024. Đầu tư chững lại ảnh hưởng đến sản xuất và thương mại, đồng thời làm giảm triển vọng kinh tế nói chung.
- Với một số nền kinh tế lớn:
 - Tăng trưởng ở Nhật Bản được dự đoán sẽ tăng lên 1,8% vào năm 2023 với sự hỗ trợ của chính sách tài khóa và tiền tệ hiện tại. Vào năm 2024, tốc độ tăng trưởng dự kiến sẽ giảm xuống 0,9% do các biện pháp kích thích hết hiệu lực.
 - Trong khi đó, tăng trưởng ở Trung Quốc được dự đoán sẽ tăng lên 5,2% vào năm 2023, giảm xuống 4,5% vào năm 2024 trước khi ổn định ở mức dưới 4% trong trung hạn giữa bối cảnh động lực kinh doanh suy giảm và dòng vốn tháo chạy khỏi thị trường.

Nền kinh tế mới nổi và đang phát triển ở châu Á dự kiến sẽ tăng lần lượt lên 5,3% và 5,2% vào năm 2023 và 2024. Xét riêng khu vực Đông Nam Á, tăng trưởng ở các quốc gia ASEAN-5 (Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan) cũng được IMF dự báo tương tự là giảm xuống 4,3% vào năm 2023 và sau đó tăng lên 4,7% vào năm 2024.

1.2. Dự báo kinh tế Việt Nam

- **Chỉ tiêu GDP:** Kinh tế Việt Nam đã phục hồi mạnh mẽ trong năm 2022 với mức tăng trưởng 8,02%, vượt mức trung bình 7,1% trong giai đoạn 2016-2019. Sự tăng trưởng này một phần là do mức nền thấp của năm trước, được thúc đẩy bởi phục hồi của tiêu dùng cá nhân trong nước sau đại dịch COVID-19 và hoạt động mạnh mẽ trong sản xuất định hướng xuất khẩu.
- Năm 2023, kinh tế Việt Nam đối diện với nhiều khó khăn, thách thức như: (i) Triển vọng suy giảm tăng trưởng của các nền kinh tế lớn trên thế giới, trong đó có các đối tác xuất khẩu và đầu tư lớn nhất của Việt Nam như Mỹ và Châu Âu tác động tiêu cực đến khu vực sản xuất hàng xuất khẩu của Việt Nam; (ii) Lạm phát dự kiến tăng cao trong năm 2023 góp phần làm giảm tổng cầu và suy yếu đà tăng trưởng; (iii) Lượng trái phiếu doanh nghiệp đến hạn năm 2023 ở mức 309 nghìn tỷ đồng gây áp lực thanh khoản và vốn cho các doanh nghiệp và thị trường vốn và (iv) Thị trường bất động sản dự báo tiếp tục đình trệ.
- Theo ước tính của WB, tốc độ tăng trưởng GDP dự kiến sẽ chậm lại ở mức 6,3% vào năm 2023.
- **Chỉ tiêu CPI:** Năm 2023, Quốc hội đề ra mục tiêu CPI tăng khoảng 4,5%. Chúng tôi cho rằng dự báo CPI 2023 sẽ dao động ở khoảng 4-4,5% do cầu kéo và chi phí đẩy.
- Về phía cầu, việc triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội 2023 trong đó có việc giải ngân các gói đầu tư công giá trị lớn làm tăng mạnh tổng cầu.
- Về phía cung, giá USD tăng cao năm 2022 làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu trong khi giá dầu thế giới dự báo tăng trong thời gian tới do đầu năm 2023, OPEC và Nga thông báo cắt giảm sản lượng dầu mỏ. Trong nước, Chính phủ điều chỉnh tăng giá điện do giá khí và than đầu vào đã tăng cao thời gian qua. Cơ cấu nhiệt điện than và điện khí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng điện phát ra và sẽ tăng trong 2023 do nhu cầu điện sẽ tăng khi tổng cầu tăng và hiện tượng El Nino quay lại từ Q2/2023. Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, nếu giá điện tăng 8% làm GDP giảm 0,36% và lạm phát tăng 0,5%; nếu giá điện tăng 10% sẽ làm GDP giảm 0,45% và lạm phát tăng 0,61%. Đến đầu tháng 7/2023, Chính phủ sẽ điều chỉnh mức tăng lương cơ sở thêm 20,8%. Theo Tổng cục Thống kê, điều này sẽ tác động làm lạm phát tăng 0,67%. Năm 2023, Chính phủ sẽ tăng học phí, dịch vụ y tế công theo lộ trình sẽ khi đã trì hoãn nhiều lần. Ngoài ra, thiên tai, hạn hán do El Nino và dịch bệnh năm 2023 có thể làm tăng giá lương thực, thực phẩm tại một số địa phương. Một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người

dân trong thời kỳ Covid đã kết thúc trong năm 2022 có thể khiến tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp từ năm 2023.

- **Tỷ giá:** Năm 2022 chứng kiến những biến động mạnh của tỷ giá trong bối cảnh lạm phát toàn cầu liên tục tăng mạnh, có thời điểm tiền VND giảm gần 9% so với USD. Tuy nhiên, nhờ động thái can thiệp của NHNN, đến cuối năm 2022 tỷ giá USD/VND chỉ cao hơn khoảng 3,5% so với đầu năm, thấp hơn mức giảm giá của các đồng tiền khác trên thế giới. Dự báo cả năm 2023, tỷ giá VND/USD về cơ bản ổn định, tỷ giá cuối năm tăng khoảng 1- 2% so với đầu năm. Nguyên nhân do cán cân thương mại dự kiến vẫn thặng dư do xuất khẩu suy giảm nhưng nhập khẩu cũng giảm tương ứng. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục vào ròng nhờ xu thế chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam vẫn tiếp diễn, dù có chậm lại so với trước do suy thoái. Dòng vốn ngoại tiếp tục xu thế mua ròng trên thị trường chứng khoán Việt Nam nhờ định giá đang ở mức thấp kỷ lục và NHNN tăng cường giám sát việc chuyển tiền ra nước ngoài. Cán cân thanh toán 2023 dự báo thặng dư 4 tỷ USD. Dự trữ ngoại hối cuối 2023 ước tính ở mức 86 tỷ USD.
- **Lãi suất:** Dự kiến áp lực nợ xấu gia tăng trong hệ thống ngân hàng khi kinh tế suy giảm tăng trưởng, lạm phát và môi trường lãi suất cao. Trong bối cảnh đó, NHNN đã hạ lãi suất điều hành và gia tăng hỗ trợ thanh khoản cho các NHTM. Chiều 14/03/2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát đi thông cáo điều chỉnh giảm 1% đối với một số loại lãi suất điều hành và giảm 0,5 % lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Thêm vào đó, việc điều chỉnh giảm trần lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các lĩnh vực ưu tiên xuống 5,0%/năm tạo điều kiện để doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn vay với chi phí thấp hơn trong các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ. Mặt bằng lãi suất huy động dự kiến bắt đầu giảm dần từ Q2/2023 và giảm nhanh hơn trong quý cuối năm khi lạm phát hạ nhiệt.

2. DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2023

- Kết thúc năm 2022, VNIndex lọt top thị trường giảm mạnh nhất trên thế giới, mất đến ~34% giá trị tương đương 519 điểm từ vùng đỉnh 1.500 điểm. Giá trị vốn hóa giảm -31%. Thanh khoản bình quân trên HOSE giảm lần lượt 11,3% về khối lượng và 21,24% về giá trị so với 2021.
- Năm 2023, chúng tôi dự báo LNST các doanh nghiệp niêm yết sẽ chỉ tăng trưởng 12,5%, giảm so với mức tăng trung bình 16,4% trong giai đoạn 2018-2021 và ước 7,3% năm 2022.

- Tại thời điểm cuối năm 2022, P/E dự phóng 2023 ước tính ở mức 9,7x, nằm sâu dưới mức -2 lần độ lệch chuẩn quá khứ. P/E 2024F ước tính ở mức 8,5x. Đây là mức định giá thấp kỷ lục trong lịch sử của thị trường chứng khoán Việt Nam và đều ở mức thấp trong khu vực Đông Nam Á. Trong khi đó, hiệu suất sử dụng vốn ROE của VNIndex cao thứ 2 trong khu vực, chỉ sau Singapore và triển vọng tăng trưởng lợi nhuận của VNIndex vẫn ở mức tích cực.
- Dự báo nguồn vốn ngoại sẽ đóng vai trò nâng đỡ và dẫn dắt thị trường trong 2023 trong bối cảnh đồng USD yếu đi và triển vọng suy thoái ở các nước phát triển trở nên rõ ràng hơn.
- Với nguồn vốn nội, lượng trái phiếu doanh nghiệp phi ngân hàng đến hạn năm 2023 ở mức 185 nghìn tỷ đồng, tập trung phần lớn trong Q2 và Q3/2023. Cùng với việc tín dụng bất động sản tiếp tục bị quản lý chặt trong bối cảnh mặt bằng lãi suất tiếp tục duy trì ở mức cao ít nhất trong nửa đầu năm, điều này dự kiến tiếp tục gây áp lực thanh khoản và vốn cho các doanh nghiệp, ngân hàng và cả các nhà đầu tư cá nhân. Do đó, nguồn vốn của nhà đầu tư nội năm 2023 chịu tác động mạnh của các chính sách của cơ quan quản lý nhà nước như hỗ trợ giảm lãi suất, tăng thanh khoản hệ thống ngân hàng, tháo gỡ các nút thắt của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường bất động sản, .v.v.
- Ngoài ra, nếu hệ thống giao dịch mới của KRX được đưa vào vận hành từ giữa năm 2023 như kế hoạch sẽ giúp tăng thanh khoản cho thị trường, đồng thời thị trường Việt Nam có thể được FTSE và MSCI nâng hạng lên Thị trường mới nổi, thu hút thêm vốn ngoại.
- Với triển vọng kinh tế tăng trưởng chậm và lạm phát cao trong 2-3 quý đầu năm và cải thiện dần về cuối năm, ABS dự báo VNIndex năm 2023 có thể dao động mạnh trong 2-3 quý đầu năm trong biên độ 350 điểm và hồi phục trong quý cuối năm với mức điểm số có thể tăng lên 1.275 điểm.

PHẦN II. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CỦA CÔNG TY

1. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP

1.1. Giấy phép do UBCKNN cấp

- Giấy phép hoạt động kinh doanh: 16/UBCK-GPHĐKD cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006;
- Giấy phép bổ sung lần 1: 266/QĐ-UBCK cấp ngày 18/04/2007 nâng vốn điều lệ lên 330 tỷ VNĐ;
- Giấy phép bổ sung lần 2: 178/QĐ-UBCK cấp ngày 10/12/2008 nâng vốn điều lệ lên 397 tỷ VNĐ.
- Giấy phép điều chỉnh GPTL&HĐ CTCK số 19/GPĐC-UBCK ngày 26/2/2018: chuyển địa chỉ về Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, số 36 Phố Hoàng Cầu, P.Ô Chợ Dừa, Q.Đống Đa, TP Hà Nội.
- Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 16/9/2021: tăng vốn điều lệ lên 1.000.439.880.000đ.
- Giấy phép điều chỉnh GPTL&HĐ CTCK số 21/GPĐC-UBCK ngày 18/2/2022: điều chỉnh người đại diện theo pháp luật: Nhân Hà Hải – TGD.
- Giấy phép điều chỉnh GPTL&HĐ CTCK số 69/GPĐC-UBCK ngày 04/8/2022: tăng vốn điều lệ lên 1.011.500.000đ.

1.2. Giấy phép do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp

- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103013960 cấp ngày 26/9/2006;
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 1 số 0102036848 cấp ngày 04/11/2022;
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 2 số 0102036848 cấp ngày 26/12/2022.

2. NGHIỆP VỤ KINH DOANH

ABS có các nghiệp vụ chính được cấp phép, bao gồm: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Lưu ký chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Tư vấn tài chính, Tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. ABS ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

3.1. Các điểm mạnh và thuận lợi

- Tính đến 31/03/2023, số điểm giao dịch của ABS là 10 điểm gồm:
 - + Các phòng môi giới trực thuộc Hội sở (sàn giao dịch Láng Hạ), điểm giao dịch Hoàng Cầu.
 - + Có 04 chi nhánh trực thuộc tại TP.HCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Vũng Tàu;
 - + Có 03 chi nhánh tại Thái Bình, Bắc Ninh, Huế;

- + Chuẩn bị thành lập 02 văn phòng Đại diện tại Thanh Hóa, Sơn La cùng với các đối tác;
- ABS được đánh giá là công ty chứng khoán lâu năm trên thị trường, hoạt động cốt lõi bền vững với lĩnh vực môi giới và tư vấn hoạt động khá hiệu quả. Thị phần môi giới của ABS ước đạt 0,4% toàn thị trường, đứng trong top 30 trong số các công ty chứng khoán đang hoạt động tại thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Về nhân sự và quản trị: ABS duy trì số lượng nhân viên và quỹ lương phù hợp. Tính đến thời điểm 31/12/2022 là 152 người. Số lượng nhân viên thuộc mức trung bình trong nhóm 30 công ty chứng khoán lớn nhất.
- Với tư duy mới và cách quản trị mới, ABS tập trung chuyển đổi mô hình kinh doanh nhằm nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp và triển khai số hóa, nhằm đạt được những mục tiêu tài chính của năm 2023 và tạo nền tảng phát triển đột phá những năm tiếp theo.

3.2. Các điểm yếu và khó khăn

- Dịch bệnh Covid - 19 mặc dù đã cơ bản được kiểm soát nhưng vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp luôn trong trạng thái sẵn sàng đối mặt với dịch bệnh, tiềm ẩn nhiều rủi ro và không phát huy được hết năng lực vốn có.
- Đối mặt với áp lực lạm phát đang gia tăng ở nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới, chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt, mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng có thể dẫn đến việc dòng tiền bị rút ra khỏi TTCK ở các nước đang phát triển và mới nổi, ảnh hưởng tới đà tăng trưởng của TTCK Việt Nam trong thời gian tới.
- Cách mạng công nghiệp 4.0 đã có sự ảnh hưởng mạnh mẽ đến TTCK. Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên TTCK, ABS đối mặt với những đòi hỏi ngày càng cao của khách hàng và sự cạnh tranh gay gắt từ nhóm các công ty chứng khoán ưu tiên đầu tư công nghệ. Nền tảng công nghệ của ABS trước năm 2022 còn lạc hậu, hệ thống thiếu tính kiến trúc tổng thể và quy hoạch đầy đủ, phụ thuộc nhiều vào đối tác bên ngoài khi muốn phát triển hoặc xây mới hệ thống và tiến độ chậm, do đó sẽ mất nhiều thời gian số hóa. Từ đầu năm 2022, ABS đã bắt đầu triển khai số hóa, cải tiến công nghệ, chuyển đổi sang một hệ thống kiến trúc mở và tự phát triển có khả năng phát triển mở rộng, chủ động, tối ưu hóa và linh hoạt.
- ABS có quy mô và nguồn vốn còn bé so với các CTCK hàng đầu (cơ sở khách hàng mới đạt hơn 50,000 tài khoản, nguồn vốn chủ sở hữu chỉ hơn 1,200 tỷ), thương hiệu chưa đủ tốt để thu hút khách hàng mới, huy động vốn từ các định chế nước ngoài cũng như mở rộng hạn mức tín dụng đối với các tổ chức tín dụng trong nước, môi trường cạnh tranh khốc liệt bởi các CTCK hàng đầu có quy mô lớn và các CTCK nước ngoài có chi phí vốn rẻ.

4. ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2023

4.1. Định hướng phát triển chung của Công ty năm 2023

Chiến lược phát triển trọng tâm của ABS trong giai đoạn tiếp theo là tập trung vào mảng bán lẻ - kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ dành cho đối tượng là khách hàng cá nhân:

- Trọng tâm của ABS là chuyển đổi công nghệ và số hóa, nhằm phát triển năng lực bán hàng trực tuyến và nâng cao hiệu quả hoạt động, sử dụng dữ liệu lớn để phân tích hành vi khách hàng và cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số.
- Về mặt công nghệ, ABS đặt mục tiêu xây dựng nền tảng đầu tư ưu việt, toàn diện, đáp ứng nhu cầu của khách hàng đầu tư (giao dịch, quản lý tài sản, phân tích đầu tư, công cụ hỗ trợ, kiến thức đầu tư, mạng xã hội đầu tư...).
- Về mặt sản phẩm, ABS sẽ tập trung vào phát triển bộ sản phẩm đầu tư toàn diện, các giải pháp và sản phẩm hợp tác, xây dựng các chương trình ưu đãi theo phân hạng khách hàng, hành trình khách hàng sử dụng sản phẩm đầu tư theo phân khúc, và chiến lược hợp tác với ngân hàng ABB, tập đoàn Geleximco và các công ty thành viên để tận dụng nguồn lực đối tác để phát triển..
- Về mặt kênh bán, ABS phát triển đa dạng kênh bán qua đội ngũ môi giới, cộng tác viên, văn phòng đại diện tại các tỉnh, hợp tác với các đối tác nhằm thúc đẩy bán chéo các sản phẩm...
- Về mặt truyền thông và tiếp thị, ABS hướng đến định vị thương hiệu công ty chứng khoán có nền tảng công nghệ hàng đầu phục vụ giao dịch sản phẩm đầu tư; đào tạo kiến thức giúp nhà đầu tư mới; và cung cấp nền tảng lựa chọn nhà tư vấn tin cậy, minh bạch dựa trên kết quả đầu tư thực và do khách hàng đánh giá. Với việc xây dựng nền tảng công nghệ hiện đại, toàn diện phục vụ khách hàng đầu tư và các giá trị mới đáp ứng đúng nhu cầu và chân dung khách hàng sẽ giúp ABS nâng cao nhận diện thương hiệu, thu hút khách hàng mới và gia tăng thị phần.
- Mảng dịch vụ tư vấn khách hàng tổ chức bao gồm tư vấn phát hành, tư vấn niêm yết, tăng vốn và phân phối cổ phần và chứng khoán nợ cũng được định hướng ưu tiên các cơ hội thực hiện theo chuỗi giá trị nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho mảng bán lẻ.
- Mảng nguồn vốn sẽ tập trung vào nhiệm vụ huy động vốn tài trợ cho các hoạt động kinh doanh chính, quản lý thanh khoản, điều hòa tối ưu hiệu quả nguồn và tận dụng các cơ hội giao dịch tự doanh nguồn vốn với rủi ro thấp
- Công ty cũng sẽ tiếp tục củng cố năng lực quản trị rủi ro đáp ứng nhu cầu tăng trưởng nhanh nhưng an toàn và bền vững trong những năm tới, theo hướng áp dụng các nguyên tắc quản trị chuẩn mực quốc tế, triển khai các mô hình định lượng trong việc đánh giá rủi ro, phê duyệt hạn mức và cảnh báo sớm.

PHẦN III. KẾ HOẠCH KINH DOANH TOÀN CÔNG TY NĂM 2023

1. TÓM TẮT MỘT VÀI CHỈ TIÊU CHÍNH

STT	Chỉ tiêu/Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Khách hàng	Khách hàng	116,178
2	Doanh số giao dịch	Tỷ đồng	101,510
3	Thị phần môi giới	%	1.4
4	Dư nợ cho vay	Tỷ đồng	3,172
5	Doanh thu	Tỷ đồng	473
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	158

2. KẾ HOẠCH KINH DOANH TOÀN CÔNG TY NĂM 2023

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	KH 2023 với TH 2022
	năm 2022	năm 2022	năm 2023	
1	2	3	4	5=4/3
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG	685,465,204,195	363,638,445,420	472,723,394,169	130%
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính	119,764,277,260	121,780,962,243	79,051,739,351	65%
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	20,496,318,882	13,943,953,187	19,277,568,268	138%
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	167,808,318,567	74,647,439,106	204,732,037,760	274%
1.4. Doanh thu môi giới chứng khoán	199,071,574,112	70,157,975,619	144,485,320,035	206%
1.5. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành	98,000,000,000	74,200,670,957	22,344,362,675	30%
1.6. Doanh thu lưu ký chứng khoán	11,084,486,324	5,430,693,405	435,000,000	8%
1.7. Doanh thu tư vấn tài chính	33,500,000,000	2,675,000,000	2,397,366,080	90%
1.8. Thu nhập hoạt động khác	35,740,229,051	801,750,903	-	0%
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	339,213,900,476	131,744,336,950	117,426,774,661	89%
2.1. Lỗ các tài sản tài chính (FVTPL)	23,058,160,750	51,054,670,326	-	0%
2.2. Chi phí dự phòng, chi phí lãi vay	112,174,723,584	8,813,749,017	20,411,325,665	232%

2.3. Lỗ từ các TSTC phải sinh phòng ngừa rủi ro	-	59,778,600	-	0%
2.4. Chi phí hoạt động tự doanh	9,041,223,228	347,035,202	-	0%
2.5. Chi phí môi giới chứng khoán	114,625,192,376	30,729,364,858	80,465,448,996	262%
2.6. Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành	56,000,000,000	35,862,249,790	15,200,000,000	42%
2.9. Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-	-	
2.7. Chi phí lưu ký chứng khoán	4,206,825,724	2,266,977,791	-	0%
2.8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	9,525,000,000	1,100,000,000	1,350,000,000	123%
2.9. Chi phí các dịch vụ khác	10,582,774,813	1,510,511,366	-	0%
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	-	2,609,325,551	355,296,619,509	13616%
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	19,226,298,869	52,869,738,994	112,272,158,163	212%
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY	103,465,075,323	71,211,966,307	84,636,471,378	119%
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	223,559,929,526	110,421,728,720	158,387,989,968	143%
VII. HOẠT ĐỘNG KHÁC	-	-150,137,865		0%
<u>IX. LNKT TRƯỚC THUẾ</u>	<u>223,559,929,526</u>	<u>110,271,590,855</u>	<u>158,387,989,968</u>	<u>144%</u>

Tổng giám đốc



NHÂM HÀ HẢI